

DANH SÁCH THI

Mã lớp: 2011CNTTNC1-1

Ngày bắt đầu: 12/11/2020 Ngày kết thúc: 27/12/2020

MÔN: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO 1

NGÀY THI: 27/12/2020

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH: LÊ VIỆT HOÀNG

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	Mã HV	Điểm		Chữ ký	Số máy	Ghi chú
							LT	TH			
1	Trương Đình	Ân	21/07/2000	Bình Định	Nam	HV 1	6,5	4	A	12	
2	Lê Thị Quế	Anh	15/03/2000	Tây Ninh	Nữ	HV 2	6,5	7,5	Quế	29	
3	Trương Đức	Cường	20/07/2000	Phú Yên	Nam	HV 3	9,5	6	Cường	46	
4	Trần Thanh	Đô	09/07/1999	Bình Định	Nam	HV 4	7,5	4	Đô	24	
5	Ngô Khắc	Dự	03/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	HV 5	5	3	Dự	14	
6	Phạm Văn	Dũng	19/07/1999	Đồng Nai	Nam	HV 6	9	3,5	Phạm	18	
7	Nguyễn Thu	Hiền	08/12/1999	Bình Định	Nữ	HV 7	8,5	5	Hiền	10	
8	Dương Thị	Hòa	12/02/1998	Bình Thuận	Nữ	HV 8	9	9	Thị	48	
9	Đinh Hoàng	Huy	05/11/2000	Bình Định	Nam	HV 9	7,5	3	Huy	42	
10	Nguyễn Thành	Khương	12/02/1998	Long An	Nam	HV 10	9,5	3	Khương	20	
11	Trần Đình	Kiên	08/03/2000	Đắk Lắk	Nam	HV 11	7	8,5	Đình	35	
12	Trung Tuấn	Kiệt	19/11/2000	Đồng Tháp	Nam	HV 12	9,5	8	Tuấn	01	
13	Điền Ngọc	Lâm	30/08/2000	Bình Phước	Nam	HV 13	9	9	Ngọc	16	
14	Cao Điền	Linh	10/06/1998	Bình Thuận	Nam	HV 14	10	8	Điền	21	
15	Nguyễn Văn	Nguyên	22/04/2000	Phú Yên	Nam	HV 15	5	8	Nguyên	13	
16	Lê Thanh	Phong	24/06/1997	Đồng Tháp	Nam	HV 16	9	9	Phong	23	
17	Trịnh Minh	Phúc	20/01/2000	Bình Dương	Nam	HV 17	8,5	6	Phúc	40	NS. Đồng Nai
18	Nguyễn Bùi Minh	Quân	08/05/2000	Tây Ninh	Nam	HV 18	8,5	8,5	Minh	47	
19	Nguyễn Thiện	Quang	03/01/1998	Bình Thuận	Nam	HV 19	7	9	Thiện	3	
20	Đinh Văn	Son	04/03/1999	Bình Dương	Nam	HV 20	7,5	3	Son	15	
21	Đinh Vũ Thị Thanh	Tâm	10/06/1999	TP. HCM	Nữ	HV 21	8	9	Thanh	49	NS. Bình Dương
22	Đồng Thị Thu	Thắm	13/10/2000	Phú Yên	Nữ	HV 22	9	7,5	Thị	30	
23	Lê Đình Công	Thành	23/01/1999	Khánh Hòa	Nam	HV 23	7,5	5	Thành	08	
24	Đàm Ngọc Bích	Thảo	26/04/1999	TP. HCM	Nữ	HV 24	8	7	Bích	09	
25	Nguyễn Tư	Thế	02/04/1987	Quảng Bình	Nam	HV 25	8	3	Tư	32	
26	Trần Văn	Thọ	18/08/1998	Ninh Thuận	Nam	HV 26	8	8,5	Thọ	34	
27	Tường Thị Hoài	Thu	16/11/2000	Đồng Nai	Nữ	HV 27	9	8	Thu	06	
28	Lương Thị Anh	Thư	29/11/2000	Bến Tre	Nữ	HV 28	8	9	Anh	33	
29	Thập Văn	Tới	16/05/2000	Ninh Thuận	Nam	HV 29	9	6	Tới	02	
30	Nguyễn Thị Bích	Trâm	11/10/2000	Tây Ninh	Nữ	HV 30	9	9,5	Trâm	28	

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	Mã HV	Điểm		Chữ ký	Số máy	Ghi chú
							LT	TH			
31	Lý Minh	Trần	16/07/2000	Bình Định	Nam	HV 31	7	9	Trần	52	
32	Đoàn Khang	Trường	07/11/2000	Bình Định	Nam	HV 32	9	3	Đoàn	45	
33	Nguyễn Thọ	Trường	05/09/1999	Bình Dương	Nam	HV 33	9,5	6	Nguyễn	33	
34	Đỗ Nhật	Trường	18/04/1997	Trà Vinh	Nam	HV 34	9,5	9	Đỗ	22	
35	Trần Huỳnh Thanh	Tú	09/05/2000	TP. HCM	Nam	HV 35	9,5	6	Trần	17	
36	Thị Văn	Việt	03/10/1998	Tây Ninh	Nam	HV 36	8	3	Thị	38	
37	Nguyễn Hương	Giang	11/02/1997	TP. HCM	Nữ	HV 37	5,5	6	Nguyễn	31	2008CNTT NC1-2
38	Lê Thế	Trọng	15/07/1999	Hà Nam	Nam	HV 38	8	4	Lê	43	2009CNTT NC1
39	Lê Văn	Tuấn	09/09/2000	Đồng Nai	Nam	HV 39	6,5	8	Lê	04	2010CNTT NC1

Hiện diện: 39 HV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CB CỎI THI

GIÁO VIÊN CHẤM

Kết quả xếp loại:

- Có HV xếp loại giỏi
- Có HV xếp loại khá
- Có HV xếp loại trung bình
- Có HV xếp loại yếu

TRẦN HỒNG VĂN

LÊ VIỆT HOÀNG

LÊ VIỆT HOÀNG